

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày: 12-5-2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Vạn Sinh;

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Từ Quốc Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2019/TLST-DS ngày 04/12/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-DS ngày 28/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 28-2-2020 và thông báo mở lại phiên tòa ngày 12-5-2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Tấn Q và bà Hà Ngọc Thị L

Địa chỉ: Số X, tổ dân phố Y, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của ông Huỳnh Tấn Q là bà Hà Thị Ngọc L (giấy ủy quyền ngày 04-12-2019).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Tấn Q và bà Hà Ngọc Thị L có ông Nguyễn Đình B – VP Luật sư Đ (giấy ủy quyền ngày 27/02/2020). Có mặt.

Địa chỉ: Số N, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Bạch Thị T, sinh năm 1966 – vắng mặt;

Địa chỉ: Số M, tổ dân phố Z, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hà Thị Ngọc L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Q trình

bày: Vào ngày 20/01/2017, vợ chồng bà có cho bà T vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay (hai bên thỏa thuận bằng miệng về thời hạn trả nợ là vào ngày 20/02/2017); tiếp đó, vào ngày 15/02/2017, vợ chồng bà có cho bà T vay tiếp số tiền 25.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 năm, ngày trả nợ chậm nhất là vào ngày 15/02/2018. Khi cho vay các khoản tiền trên, vợ chồng bà và bà T lập giấy tờ viết tay, lãi suất hai bên thỏa thuận theo lãi suất quy định của pháp luật. Khi vay tiền, bà T không cầm cố, thế chấp cho vợ chồng bà tài sản gì. Đến hạn trả nợ, bà T không trả cho vợ chồng bà bất cứ khoản tiền nào. Sau nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng không được, nay vợ chồng bà yêu cầu Tòa án buộc bà Bạch Thị T phải trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng và tiền lãi cụ thể như sau:

Đối với khoản vay 25.000.000 đồng x 20%/năm x 01 năm 09 tháng 05 ngày (640 ngày, được tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 15/02/2018 đến ngày 20/11/2019) = 8.767.000 đồng.

Đối với khoản tiền vay 20.000.000 đồng, vợ chồng bà không yêu cầu tính lãi.

Tổng cộng, vợ chồng bà yêu cầu Tòa án buộc bà Bạch Thị T phải trả cho vợ chồng bà tổng số tiền là 53.767.000 đồng, trong đó nợ gốc là 45.000.000 đồng, nợ lãi là 8.767.000 đồng (lãi tạm tính đến ngày 20/11/2019) và tiếp tục tính lãi suất cho đến khi bà T trả hết nợ cho vợ chồng bà.

Bị đơn bà Bạch Thị T trình bày: Bà thừa nhận lời trình bày của bà Hà Thị Ngọc L là đúng sự thật. Vào ngày 20/01/2017, bà có đứng ra viết giấy vay tiền của vợ chồng ông Q, bà L số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay; đồng thời vào ngày 15/02/2017, bà tiếp tục viết giấy vay thêm số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, ngày trả nợ chậm nhất là vào ngày 15/02/2018. Tổng cộng, bà có nhận vay của vợ chồng ông Q, bà L tổng số tiền 45.000.000 đồng. Khi vay, hai bên lập giấy tờ viết tay, lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng. Đến hạn, do quá khó khăn nên bà chưa trả cho vợ chồng ông Q, bà L khoản tiền nào. Đến thời điểm hiện tại, bà vẫn còn nợ vợ chồng ông Q, bà L 45.000.000 đồng tiền gốc. Nay vợ chồng ông Q, bà L yêu cầu Tòa án buộc bà phải trả cho vợ chồng ông Q, bà L tổng số tiền là 53.767.000 đồng (nợ gốc là 45.000.000 đồng, nợ lãi là 8.767.000 đồng) và tiếp tục tính lãi suất cho đến khi trả hết nợ thì bà chỉ xin được trả số tiền nợ gốc 45.000.000 đồng, đối với số tiền lãi thì bà xin vợ chồng ông Q, bà L miễn toàn bộ số tiền lãi này cho bà. Về thời gian trả nợ: bà xin trả mỗi năm sẽ trả cho ông Q, bà L số tiền 5.000.000 đồng/năm, bắt đầu từ năm 2020 cho đến khi trả hết số nợ gốc. Thời gian trả nợ cụ thể hàng năm được xác định là vào ngày 30/10 hàng năm, bắt đầu từ tháng 10 năm 2020.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Q, bà L yêu cầu bà T phải trả cho ông Q, bà L số tiền nợ gốc là 45.000.000đ và tiền lãi từ ngày 15/02/2018 đến ngày 12/5/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) với lãi suất 20%/năm, tương ứng 1,66%/tháng. Cụ thể 2 năm 2 tháng 27 ngày = 817 ngày x 25.000.000đ x 20%/năm: 365 ngày =

11.191.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 56.191.000đ và tiếp tục tính lãi suất cho đến khi trả hết nợ tiền lãi theo quy định pháp luật.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Q và bà Nguyễn Thị Ngọc L, buộc bị đơn bà Bạch Thị T phải trả cho ông Q, bà L tổng số tiền là 56.191.000 đồng (nợ gốc là 45.000.000 đồng, nợ lãi là 11.191.000 đồng) và tiếp tục tính lãi suất cho đến khi trả hết nợ tiền lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Bạch Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên vẫn không có mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về nghĩa vụ trả nợ: Vào ngày 20/01/2017, vợ chồng ông Huỳnh Tấn Q, bà Hà Thị Ngọc L cho bà T vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay (hai bên thỏa thuận bằng miệng về thời hạn trả nợ là vào ngày 20/02/2017); tiếp đó, vào ngày 15/02/2017, vợ chồng ông Q, bà L có cho bà T vay tiếp số tiền 25.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 năm, ngày trả nợ chậm nhất là vào ngày 15/02/2018. Cả hai lần vay tiền, đều được lập giấy viết tay, có chữ ký xác nhận của bà Bạch Thị T. Quá trình giải quyết vụ án, bà Bạch Thị T cũng thừa nhận toàn bộ số nợ gốc theo hai giấy viết tay được lập ngày 20/01/2017 và ngày 15/02/2017. Đến hạn, bà T không trả được cho ông Q, bà L khoản tiền nào. Do đó, bà T đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc ông Huỳnh Tấn Q và bà Hà Thị Ngọc L yêu cầu Tòa án buộc bà Bạch Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Q, bà L số nợ gốc là 45.000.000 đồng

(Bốn mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Về tiền lãi

- Xét yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn Q và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan về việc yêu cầu bà Bạch Thị T phải trả số tiền 45.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi cụ thể như sau: Đối với khoản vay 25.000.000 đồng x 20%/năm x 02 năm 02 tháng 27 ngày (817 ngày, được tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 15/02/2018 đến ngày 12/5/2020 ngày xét xử sơ thẩm) = 11.191.000 đồng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi kể từ ngày bị đơn bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến thời điểm giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét tính lãi trong thời gian vay (từ ngày 15/02/2017 đến ngày 15/02/2018).

Trong giấy vay tiền đề ngày 15/02/2017 không thể hiện lãi suất cho vay, giữa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận lãi suất thỏa thuận bằng miệng. Đây là khoản vay xác định thời hạn trả và tính lãi. Do đó, việc bị đơn bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, buộc bị đơn bà T phải trả cho nguyên đơn ông Q, bà L khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm trả kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 15/02/2018 cho đến ngày 12/5/2020 là 02 năm 02 tháng 27 ngày với mức lãi suất 20%/năm, tương ứng 1,66%/tháng, cụ thể:

25.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 02 năm 02 tháng 27 ngày = 11.191.000 đồng.

- Đối với khoản vay 20.000.000 đồng vào ngày 20/01/2017, ông Q, bà L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của bị đơn về việc đề nghị được miễn toàn bộ tiền lãi và chia thời hạn trả thành nhiều năm, mỗi năm trả 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Q, bà Hà Thị Ngọc L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Tấn Q và bà Hà Thị Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.344.000 đồng theo biên lai thu số 0004665 ngày 04/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn bà Bạch Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn Q và bà Hà Thị Ngọc L.

2. Buộc bà Bạch Thị T phải trả cho ông Huỳnh Tấn Q và bà Hà Thị Ngọc L tổng số tiền là 56.191.000đ, trong đó: Nợ gốc là 45.000.000 đồng, nợ lãi là 11.191.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Tấn Q và bà Hà Thị Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.344.000 đồng theo biên lai thu số 0004665 ngày 04/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn bà Bạch Thị T phải chịu 2.810.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tùng Lâm